

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2018
V/v: "*Xin ly hôn*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**

2. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lâm Đắc V**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp G, xã D, huyện P, Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn Đ, huyện P, Kiên Giang.

(Ông V và bà T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn ông **Lâm Đắc V** trình bày:

Vào năm 1986 ông và bà **Nguyễn Thị Thu T** tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai người con chung, đến năm 2005 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vì thương các con nên ông

bà cố hàn găng nhưng không được mà chuyện mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ năm 2005 ông và bà T đã sống ly thân với nhau cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể chung sống với nhau được nữa nên ông khởi kiện xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có với nhau hai người con chung tên Lâm Kim A, sinh năm 1988 và Lâm Bình B, sinh năm 1991. Hiện hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và công nợ chung thì bà thống nhất theo lời trình bày của ông V. Nay xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà không thể hàn găng và đã sống ly thân với nhau đã lâu nên bà đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có với nhau hai người con chung tên Lâm Kim A, sinh năm 1988 và Lâm Bình B, sinh năm 1991. Hiện hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lâm Đắc V và bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1986 ông V và bà T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau dẫn đến không còn tình cảm vợ chồng nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn găng nên ông V khởi kiện xin được ly hôn với bà T. Tại bản tự khai bà T cũng thừa nhận giữa bà và ông V không còn tình cảm vợ chồng, không thể nào chung sống với nhau được nữa nên bà thống nhất ly hôn với ông V.

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T xét thấy: Tuy ông V và bà Tuyết không có đăng ký kết hôn nhưng do ông bà chung sống vợ chồng với nhau từ năm

1986 nên căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì hôn nhân của ông bà được xem là hôn nhân thực tế. Nay cuộc sống vợ chồng của ông bà không còn hạnh phúc và ông bà đều thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có với nhau hai người con chung tên Lâm Kim A, sinh năm 1988 và Lâm Bình B, sinh năm 1991. Hiện hai con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà T xác định không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Ông V ông phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đắc V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

2. Về con chung: Hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003148 ngày 18/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc. Ông V đã nộp xong. Bà T không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Hồng